TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/DS-ST
Ngày: 26-7-2019
"V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Dá.

2. Ông Nguyễn Thành Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Kha, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Hồng Kim O**, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Tân Thắng, xã Thạnh Tân, huyện Thạnh trị, tỉnh Sóc Trăng

* *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông **Kim Điền Phong**, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp 2, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, theo văn bản ủy quyền ngày 24/7/2019 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà **Võ Thị L**, sinh năm 1953 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 01, ấp Tân Thắng, xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng

3. *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:* Ông **Ông Tống Phước C**, sinh năm 1953 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 01, ấp Tân Thắng, xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Kim Điền Phong trình bày ý kiến*:

Vào năm 2013 âm lịch (âl) bà O có tham gia chơi hụi do bà Võ Thị L làm chủ, cụ thể: Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, khui ngày 22/5/2013 âl, mỗi tháng khui hụi một lần, dây hụi có 40 phần, bà O tham gia 01 phần. Bà O đóng hụi đến lần khui hụi thứ 35, đến lần khui hụi thứ 36 thì hốt hụi được với số tiền là 35.800.000 đồng nhưng bà L chưa có giao tiền hụi. Do phía bà L chưa giao tiền hụi bà O đã hốt nên bà O chưa đóng hụi chết lại cho bà L đối với 04 kỳ hụi chết là 4.000.000 đồng. Dây hụi này mãn vào ngày 22/7/2016. Ngoài ra, số tiền 35.800.000 đồng bà O chưa cấn trừ tiền đầu thảo cho bà L với số tiền là 500.000 đồng. Do đó, sau khi cấn trừ tiền hụi chết 04 kỳ và tiền đầu thảo, tổng cộng là 4.500.000 đồng thì phía bà L còn nợ lại bà O số tiền là 31.300.000 đồng.

Nay bà O khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị L và ông Ông Tống Phước C có trách nhiệm trả tiền hụi còn thiếu là 31.300.000 đồng và tiền lãi từ ngày 22/7/2016 âl đến ngày xét xử sở thẩm với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

- *Bị đơn bà Võ Thị L trình bày ý kiến*:

Bà thừa nhận là bà O có tham gia dây hụi khui ngày 22/5/2013 âl do bà làm chủ, hụi 1.000.000 đồng, có 40 phần, bà O tham gia 01 phần, phần hụi này bà O đã hốt ở kỳ thứ 36 với tổng số tiền hốt được là 35.800.000 đồng. Số tiền này bà chưa giao cho bà O. Tuy nhiên, số tiền bà O hốt chưa trừ tiền đầu thảo 500.000 đồng. Hiện dây hụi này đã mãn và bà O còn thiếu bà 04 kỳ hụi chết là 4.000.000 đồng nên thực tế bà chỉ còn thiếu bà O số tiền là 31.300.000 đồng.

Nay bà đồng ý trả bà O số tiền 31.300.000 đồng nhưng do những người tham gia hụi đã hốt còn thiếu nhiều nên khi nào gom được tiền của những người này thì bà sẽ trả cho bà O vì hiện bà không có tiền. Đối với việc tính lãi thì bà không đồng ý vì hụi này đã có lãi.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ông Tống Phước C trình bày*:

Ông đồng ý theo lời trình bày của vợ ông là bà Võ Thị L. Hiện vợ chồng ông còn thiếu bà O số tiền 31.300.000 đồng nhưng do những người khác còn thiếu nhiều nên khi nào thu hồi được thì vợ chồng ông sẽ trả bà O. Đối với việc yêu cầu tính lãi thì ông không đồng ý.

- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ, thủ tục tống đạt văn bản tố tụng. Về phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tại tòa. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Võ Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ông Tống Phước C có nghĩa vụ trả số tiền 31.300.000 đồng cho bà Hồng Kim O và tính lãi theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng*:

[1] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Võ Thị L có trách nhiệm hoàn trả số tiền hụi còn thiếu, đồng thời bà L có địa chỉ cư trú ấp Tân Thắng, xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng theo qui định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố Tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn bà Võ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ông Tống Phước C. Tòa án đã tống đạt hợp lệ lần thứ 02 nhưng bà L và ông B vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà L và ông B.

- *Về nội dung*:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị đơn bà Võ Thị L thừa nhận hiện nay còn nợ nguyên đơn bà Hồng Kim O số tiền hụi là 31.300.000 đồng, nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo qui định tại Khoản 2, Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bà Võ Thị L yêu cầu khi nào thu được tiền hụi những người còn thiếu thì sẽ trả cho bà O vì hiện bà không có tiền nhưng không được đại diện nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Do đó, bị đơn bà Võ Thị L có trách nhiệm trả số tiền hụi còn thiếu 31.300.000 đồng cho nguyên đơn bà O theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 và đoạn 01, Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường: *"Nghĩa vụ của chủ họ: Giao các phần họ cho thành viên được lĩnh họ"*, "*Trong trường hợp chủ họ đã thu các phần họ của các thành viên nhưng không giao cho thành viên được lĩnh họ thì theo yêu cầu của thành viên có quyền lĩnh họ, chủ họ phải giao các phần họ đã thu được cho thành viên đó và bồi thường thiệt hại nếu có"*.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn kể từ ngày 22/7/2016 âl (nhằm ngày 24/8/2016 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/7/2019 dương lịch) với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Xét thấy, theo quy định tại đoạn 2 Điều 29 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường "*Chủ họ phải trả lãi đối với các phần họ giao chậm theo mức lãi do các bên thoả thuận, nếu không có thoả thuận hoặc không thoả thuận được thì áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian giao chậm tại thời điểm giao các phần họ*" nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền hụi bị đơn chậm giao với mức lãi suất theo quy định pháp luật là có cơ sở. Còn đối với việc bị đơn bà Võ Thị L không đồng ý tính lãi vì cho rằng số tiền hụi này là đã có lãi là không có cơ sở chấp nhận. Về mức lãi suất, do vụ việc các đương sự tranh chấp trước khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Lãi suất được tính theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp

luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cụ thể như sau:

+ Từ ngày 22/7/2016 âl (nhằm ngày 24/8/2016 dương lịch) đến ngày 31/12/2016 dương lịch thì áp dụng Điều 476 BLDS năm 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam qui định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm. Do đó, lãi suất được tính: là 04 tháng 7 ngày x 31.300.000 đồng x 0,75%/tháng = 993.775 đồng.

+ Từ ngày 01/01/2017 dl đến ngày 26/7/2019 dl áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 mức lãi suất được xác định là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng. Do đó, lãi suất được tính là: 30 tháng 25 ngày x 31.300.000 đồng x 0,83%/tháng = 8.010.192 đồng.

Tổng cộng lãi là 993.775 đồng + 8.010.192 đồng = 9.003.967 đồng

[5] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tống Phước C tuy không trực tiếp chơi hụi nhưng giữa bị đơn Võ Thị L với ông Tống Phước C có quan hệ là vợ chồng, việc bị đơn bà L làm chủ hụi có thu nhập phục vụ cho sinh hoạt của gia đình và phía ông B vẫn biết và thừa nhận có thiếu tiền hụi của bà O. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ông Tống Phước C có trách nhiệm liên đới cùng với bà L trả nợ hụi là có cơ sở chấp nhận theo qui định tại Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Từ những phân tích nêu trên xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị đơn bà Võ Thị L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Tống Phước C liên đới trả tiền nợ hụi tổng cộng 31.300.000 đồng và tiền lãi là 9.003.967 đồng cho nguyên đơn bà Hồng Kim O.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn bà Võ Thị L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ông Tống Phước C liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.015.198 đồng. Tuy nhiên do phía bà L và ông B là người cao tuổi (trên 60 tuổi và có đơn xin miễn giảm) nên được miễn toàn bộ án phí theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Hồng Kim O không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, Khoản 1 Điều 147, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, Khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 15, Điều 24 và Điều 29 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 1 Điều 27 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ hụi, biêu phường, Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình và điểm đ khoản 1 Điều 12 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồng Kim O.

Buộc bị đơn bà Võ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ông Tống Phước C có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Hồng Kim O tổng số tiền còn nợ là 40.303.967 đồng (bốn mươi triệu ba trăm lẽ ba ngàn chín trăm sáu mươi bảy đồng). Trong đó tiền hụi là 31.300.000 đồng và tiền lãi 9.003.967đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10% theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị đơn Võ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tống Phước C được miễn, không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Nguyên đơn bà Hồng Kim O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Hồng Kim O được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.133.000 đồng (một triệu một trăm ba mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008174 ngày 13/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Toàn